| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THỊ XÃ DĨ AN**<br>TỈNH BÌNH DƯƠNG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 76/2018/HNGĐ-ST
Ngày 09-7-2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Phan Thị Minh Châu.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Diễm;

2. Ông Nguyễn Chí Tâm.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Tố Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương:*** Ông Phan Văn Tuân - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 09 tháng 7 năm 2018, tại Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 539/2018/TLST-HNGĐ ngày 29/5/2018 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2018/QĐXXST-HN ngày 21/6/2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Vũ Thị N, sinh năm 1973;

Thường trú: 34/3 khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương;

Tạm trú: 180/9 Khu phố 3, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Duy T, sinh năm 1968;

Thường trú: 34/3 khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện ngày 17/5/2018, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Vũ Thị N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Sau một thời gian tìm hiểu, bà Vũ Thị N và ông Nguyễn Duy T tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Q, tỉnh Thái Bình, theo giấy chứng nhận kết hôn số 38, ngày 25/8/1994, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình đồng ý và có tổ chức lễ cưới.

Sau khi chung sống và kết hôn vợ chồng sống chung với gia đình nhà chồng tại xã T, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Đến năm 2001 vợ chồng vào sinh sống và làm việc tại phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2010 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T nghiện ma túy, bà N và gia đình đã nhiều lần khuyên nhủ ông T, đã đưa ông T đi cai nghiện nhưng sau đó thì ông T lại tái nghiện. Hiện nay ông T đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thị xã D, tỉnh Bình Dương để điều tra về hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến ma túy. Nay bà Vũ Thị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Duy T.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung, khi ly hôn bà Vũ Thị N yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Duy T, sinh ngày 17/5/2009, không yêu cầu ông Nguyễn Duy T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Nguyễn Duy K, sinh ngày 17/10/1995 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quyền và nghĩa vụ tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*- Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/6/2018 bị đơn ông Nguyễn Duy T trình bày:*

Về hôn nhân: Ông Nguyễn Duy T thống nhất với phần trình bày của bà Vũ Thị N thời gian tìm hiểu, thời gian đăng ký kết hôn và quá trình chung sống, quan hệ vợ chồng. Vợ chồng sống hạnh phúc được đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T bị bạn bè rủ rê dẫn đến nghiện ngập, bà N và gia đình đã đưa ông T đi cai nghiện nhưng vẫn không thành, hiện nay ông T đang bị bắt tạm giam để điều tra về tội mua bán trái phép chất ma túy. Ông T biết bản thân có lỗi với bà N và các con. Ông T thừa nhận vợ chồng có những mâu thuẫn như trên, nhưng ông T xác định vẫn còn yêu thương vợ và không muốn các con phải sống xa cha mẹ, nên trước yêu cầu ly hôn của bà N, ông T không đồng ý, ông T mong muốn bà N cho ông một cơ hội để sửa đổi bản thân.

Về con chung: Ông Nguyễn Duy T thống nhất vợ chồng có 02 con chung như bà Vũ Thị N trình bày. Ông T không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung. Trường hợp Tòa án giải quyết cho bà N ly hôn với ông T thì ông cũng đồng ý để cho bà N được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Duy T, sinh ngày 17/5/2009, ông T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung tên Nguyễn Duy K, sinh ngày 17/10/1995, đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quyền và nghĩa vụ tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:* Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và các đương sự chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Bị đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử

vắng mặt bị đơn là đúng quy định. Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về điều kiện thụ lý vụ án: Căn cứ vào đơn khởi kiện của bà Vũ Thị N thì đây là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Nguyễn Duy T có địa chỉ thường trú tại phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn ông Nguyễn Duy T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt vào ngày 06/6/2018. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị N và ông Nguyễn Duy T là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Q, tỉnh Thái Bình, theo giấy chứng nhận kết hôn số 38 ngày 25/8/1994, là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích đó, vợ chồng phải tin tưởng, thương yêu, quý trọng, chung thủy, và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Xét thấy, quan hệ vợ chồng giữa bà N và ông T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân là do ông T là người nghiện ma túy, không lo làm ăn chăm lo cho gia đình, để có tiền thỏa mãn cho nghiện ngập của bản thân ông T đã có hành vi vi phạm pháp luật. Bản thân ông T nhận thức được mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ bản thân ông, lẽ ra bản thân ông phải lo làm ăn để ổn định kinh tế, xây dựng gia đình đầm ấm nhưng ngược lại ông lại sa vào nghiện ngập, đi cai nghiện rồi lại tái nghiện, đẩy cuộc sống gia đình và mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Hội đồng xét xử nhận thấy mặc dù ông T không đồng ý ly hôn nhưng bản thân ông cũng không đưa không đưa ra được phương án để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N và ông T đã trầm trọng không thể khắc phục được. Vì vậy, bà N yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định của Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[4] Về con chung: Giữa bà Vũ Thị N và ông Nguyễn Duy T có hai con chung Nguyễn Duy K, sinh ngày 17/10/1995 và Nguyễn Duy T, sinh ngày 17/5/2009, bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Duy T, sinh ngày 17/5/2009. Tuy nhiên, việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng cần phải xem xét về mọi mặt và đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên. Xét cháu T còn nhỏ từ trước đến nay bà N là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Đồng thời ông T cũng đồng ý giao cháu T cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Do vậy, việc giao con chung chưa thành nhiên là cháu Nguyễn Duy T, sinh ngày 17/5/2009 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng sẽ bảo đảm quyền lợi của phụ nữ, trẻ em khi vợ chồng ly hôn và đảm bảo tiếp tục duy trì cuộc sống bình thường về mọi mặt của cháu là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82

luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Đối với con chung tên Nguyễn Duy K, sinh ngày 17/10/1995, đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Vũ Thị N không yêu cầu ông Nguyễn Duy T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét đây là sự tự nguyện của bà N nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu Tòa án án giải quyết.

[7] Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về tranh chấp ly hôn, nuôi con của bà Vũ Thị N với ông Nguyễn Duy T.

[8] Lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An là phù hợp như những phân tích nêu trên.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Vũ Thị N chịu án phí ly hôn theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2014 và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Duy T.

2. Về con chung: Buộc ông Nguyễn Duy T giao con chung là cháu Nguyễn Duy T, sinh ngày 17/5/2009 cho bà Vũ Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Đối với con chung là cháu Nguyễn Duy K, sinh ngày 17/10/1995 đã trưởng thành không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, ông Nguyễn Duy T và bà Vũ Thị N có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con, không ai có quyền cản trở bà N và ông T thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Vũ Thị N về việc không yêu cầu ông Nguyễn Duy T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Vũ Thị N phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai

số 0019472 ngày 25/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

6. Nguyên đơn bà Vũ Thị N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Nguyễn Duy T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Dĩ An;
- CC THADS thị xã Dĩ An;
- UBND xã Quỳnh Thọ, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
**(đã ký)**

**Phan Thị Minh Châu**